

Số: /QĐ-UBND

Bình Phước, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực Môi trường;
Khí tượng thủy văn; Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học
thuộc thẩm quyền quản lý và giải quyết của ngành Nông nghiệp
và Môi trường trên địa bàn tỉnh Bình Phước**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/02/2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 580/QĐ-BNNMT ngày 03/4/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố chuẩn hóa thủ tục hành chính lĩnh vực Khí tượng thủy văn thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Quyết định số 696/QĐ-BNNMT ngày 08/4/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố chuẩn hóa thủ tục hành chính lĩnh vực Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Quyết định số 973/QĐ-BNNMT ngày 18/4/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố chuẩn hóa thủ tục hành chính lĩnh

vực môi trường thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Quyết định số 14/2018/QĐ-UBND ngày 06/3/2018 của UBND tỉnh ban hành Quy chế phối hợp giữa Văn phòng UBND tỉnh với các sở, ban, ngành tỉnh, UBND cấp huyện, UBND cấp xã trong việc công bố, cập nhật, công khai thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 137/TTr-SNNMT ngày 25/4/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực Môi trường; Khí tượng thủy văn; Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học thuộc thẩm quyền quản lý và giải quyết của ngành Nông nghiệp và Môi trường trên địa bàn tỉnh Bình Phước (Có Phụ lục kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 860/QĐ-UBND ngày 21/4/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực Môi trường; Khí tượng thủy văn; Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học thuộc thẩm quyền quản lý và giải quyết của ngành Nông nghiệp và Môi trường trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Điều 3. Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Bộ NN&MT ;
- Cục Kiểm soát TTHC (VPCP);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- LĐVP; các phòng, trung tâm;
- Lưu: VT, NC.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Trần Tuyết Minh

PHỤ LỤC
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC MÔI TRƯỜNG; KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN; BẢO TỒN THIÊN
NHIÊN VÀ ĐA DẠNG SINH HỌC THUỘC THẨM QUYỀN QUẢN LÝ VÀ GIẢI QUYẾT CỦA NGÀNH NÔNG
NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BÌNH PHƯỚC

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Phước)

I. Thủ tục hành chính cấp tỉnh

1. Lĩnh vực Môi trường

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục	Thời hạn giải quyết (kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức dịch vụ công
1.	1.010727	Cấp giấy phép môi trường	Đối với trường hợp Dự án đầu tư không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải và Dự án đầu tư, cơ sở đầu nổi nước thải vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp và đáp ứng các yêu cầu sau đây: không thuộc loại hình sản xuất, kinh	Nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho Bộ phận tiếp nhận của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	9.000.000 đồng/Giấy phép	- Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17 tháng 11 năm 2020; - Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; - Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của	Một phần

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục	Thời hạn giải quyết (kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức dịch vụ công
			<p>doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường; không thuộc trường hợp phải quan trắc khí thải tự động, liên tục, quan trắc định kỳ theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP: 20 ngày.</p> <p>Đối với các trường hợp còn lại theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP: 30 ngày</p>			<p>Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;</p> <p>- Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;</p> <p>- Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường</p> <p>- Nghị quyết số 06/2022/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân</p>	

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục	Thời hạn giải quyết (kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức dịch vụ công
						dân tỉnh Bình Phước Quy định mức thu, quản lý, sử dụng một số loại phí về thẩm định hồ sơ thuộc lĩnh vực môi trường trên địa bàn tỉnh Bình Phước.	
2.	1.010728	Cấp đổi giấy phép môi trường	10 ngày	Nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho Bộ phận tiếp nhận của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không quy định	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17 tháng 11 năm 2020; - Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; - Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; - Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của 	Toàn trình

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục	Thời hạn giải quyết (kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức dịch vụ công
						<p>Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;</p> <p>- Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;</p> <p>- Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường</p>	
3.	1.010729	Cấp điều chỉnh giấy phép môi trường	15 ngày	Nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng Dịch vụ	4.500.000 đồng/Giấy phép	Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17 tháng 11 năm 2020;	Toàn trình

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục	Thời hạn giải quyết (kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức dịch vụ công
				công hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho Bộ phận tiếp nhận của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh		<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; - Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; - Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường - Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ 	

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục	Thời hạn giải quyết (kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức dịch vụ công
						<p>Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.</p> <p>- Nghị quyết số 06/2022/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước Quy định mức thu, quản lý, sử dụng một số loại phí về thẩm định hồ sơ thuộc lĩnh vực môi trường trên địa bàn tỉnh Bình Phước</p>	
4.	1.010730	Cấp lại giấy phép môi trường	<p>- Đối với dự án đầu tư, cơ sở không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải và khi có yêu cầu của chủ dự án đầu tư: 20 ngày</p> <p>- Đối với quy định</p>	Nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho Bộ	9.000.000 đồng/Giấy phép	<p>- Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17 tháng 11 năm 2020;</p> <p>- Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;</p>	Một phần

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục	Thời hạn giải quyết (kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức dịch vụ công
			tại điểm b khoản 4 Điều 43 Luật Bảo vệ môi trường: 30 ngày	phận tiếp nhận của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh		<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; - Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường - Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ 	

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục	Thời hạn giải quyết (kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức dịch vụ công
						Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường - Nghị quyết số 06/2022/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước Quy định mức thu, quản lý, sử dụng một số loại phí về thẩm định hồ sơ thuộc lĩnh vực môi trường trên địa bàn tỉnh Bình Phước.	
5.	1.010733	Thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường	45 ngày	Nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho Bộ phận tiếp nhận của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành	Thực hiện theo Theo quy định tại mục a, khoản 1 Điều 3 Nghị quyết số 06/2022/NQ-HĐND ngày 12/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh (từ 5 triệu- 26triệu đồng, tùy tổng vốn đầu tư)	- Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17 tháng 11 năm 2020; - Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; - Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của - Nghị định số	Một phần

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục	Thời hạn giải quyết (kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức dịch vụ công
				chính công tỉnh		08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; - Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; - Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.	

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục	Thời hạn giải quyết (kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức dịch vụ công
						- Nghị quyết số 06/2022/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước Quy định mức thu, quản lý, sử dụng một số loại phí về thẩm định hồ sơ thuộc lĩnh vực môi trường trên địa bàn tỉnh Bình Phước	
6.	1.010735	Thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản (báo cáo riêng theo quy định tại khoản 2 Điều 36 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)	43 ngày	Nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho Bộ phận tiếp nhận của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Thực hiện theo quy định tại mục b, khoản 1 Điều 3 Nghị quyết số 06/2022/NQ-HĐND ngày 12/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh (từ 8,4 triệu-26 triệu đồng tùy tổng vốn đầu tư)	- Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17 tháng 11 năm 2020; - Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; - Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường. - Nghị quyết số 06/2022/NQ-HĐND	Một phần

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục	Thời hạn giải quyết (kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức dịch vụ công
						ngày 12 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước Quy định mức thu, quản lý, sử dụng một số loại phí về thẩm định hồ sơ thuộc lĩnh vực môi trường trên địa bàn tỉnh Bình Phước	

2. Lĩnh vực Khí tượng thủy văn

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục	Thời hạn giải quyết (kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức dịch vụ công
1.	1.000987	Cấp giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn	17 ngày làm việc	Nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho Bộ phận tiếp nhận của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại	Không quy định	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Khí tượng thủy văn 2015. - Nghị định số 38/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khí tượng thủy văn. - Nghị định số 48/2020/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 38/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi 	Toàn trình

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục	Thời hạn giải quyết (kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức dịch vụ công
				Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh		<p>tiết một số điều của Luật Khí tượng thủy văn.</p> <p>- Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường</p>	
2.	1.000970	Sửa đổi, bổ sung, gia hạn giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn	17 ngày làm việc	Nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho Bộ phận tiếp nhận của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không quy định	<p>- Luật Khí tượng thủy văn 2015.</p> <p>- Nghị định số 38/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khí tượng thủy văn.</p> <p>- Nghị định số 48/2020/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 38/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khí tượng thủy văn.</p> <p>- Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12</p>	Toàn trình

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục	Thời hạn giải quyết (kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức dịch vụ công
						tháng 5 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường	
3.	1.000943	Cấp lại giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn	5 ngày làm việc	Nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho Bộ phận tiếp nhận của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không quy định	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Khí tượng thủy văn 2015. - Nghị định số 38/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khí tượng thủy văn. - Nghị định số 48/2020/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 38/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khí tượng thủy văn. - Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến hoạt động kinh 	Toàn trình

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục	Thời hạn giải quyết (kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức dịch vụ công
						doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường	

3. Lĩnh vực Bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục	Thời hạn giải quyết (kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức dịch vụ công
1.	1.008675	Cấp Giấy phép trao đổi, mua, bán, tặng cho, thuê, lưu giữ, vận chuyển mẫu vật của loài thuộc Danh mục loài được ưu tiên bảo vệ	35 ngày	Nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho Bộ phận tiếp nhận của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không quy định	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Đa dạng sinh học năm 2008; - Nghị định số 160/2013/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ về Tiêu chí xác định loài và chế độ quản lý loài thuộc Danh mục loài nguy, cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ. - Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số 	Một phần

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục	Thời hạn giải quyết (kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức dịch vụ công
				tỉnh		điều của các nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường	
2.	1.008682	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học	60 ngày	Nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho Bộ phận tiếp nhận của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không quy định	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Đa dạng sinh học số 20/2008/QH12 của Quốc hội; - Nghị định số 65/2010/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đa dạng sinh học. - Nghị định số 160/2013/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ về Tiêu chí xác định loài và chế độ quản lý loài thuộc Danh mục loài nguy, cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ. - Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ sửa 	Một phần

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục	Thời hạn giải quyết (kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức dịch vụ công
						<p>đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường</p> <p>- Thông tư số 25/2016/TT-BTNMT ngày 22 tháng 9 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn mẫu đơn đăng ký, giấy chứng nhận cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học và mẫu báo cáo tình trạng bảo tồn loài thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ của cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học</p>	

II. Thủ tục hành chính lĩnh vực môi trường cấp huyện

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục	Thời hạn giải quyết (kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức dịch vụ công

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục	Thời hạn giải quyết (kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức dịch vụ công
1.	1.010723	Cấp giấy phép môi trường	<ul style="list-style-type: none"> - Đối với trường hợp Dự án đầu tư, cơ sở không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải: 20 ngày. - Đối với các trường hợp còn lại: 30 ngày 	Nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho Bộ phận một cửa cấp huyện	9.000.000 đồng/Giấy phép	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17 tháng 11 năm 2020; - Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; - Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; - Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành 	Một phần

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục	Thời hạn giải quyết (kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức dịch vụ công
						<p>một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;</p> <p>- Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.</p> <p>- Nghị quyết số 06/2022/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước Quy định mức thu, quản lý, sử dụng một số loại phí về thẩm định hồ sơ thuộc lĩnh vực môi trường trên địa bàn</p>	

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục	Thời hạn giải quyết (kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức dịch vụ công
						tỉnh Bình Phước.	
2.	1.010724	Cấp đổi giấy phép môi trường	10 ngày	Nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho Bộ phận một cửa cấp huyện	Không quy định	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17 tháng 11 năm 2020; - Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; - Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; - Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ 	Một phần

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục	Thời hạn giải quyết (kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức dịch vụ công
						<p>Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;</p> <p>- Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.</p>	
3.	1.010725	Cấp điều chỉnh giấy phép môi trường	15 ngày	Nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ	4.500.000 đồng/Giấy phép	<p>- Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17 tháng 11 năm 2020;</p> <p>- Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật</p>	Một phần

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục	Thời hạn giải quyết (kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức dịch vụ công
				bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho Bộ phận một cửa cấp huyện		<p>Bảo vệ môi trường;</p> <p>- Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;</p> <p>- Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;</p> <p>- Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số</p>	

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục	Thời hạn giải quyết (kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức dịch vụ công
						<p>điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.</p> <p>- Nghị quyết số 06/2022/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước Quy định mức thu, quản lý, sử dụng một số loại phí về thẩm định hồ sơ thuộc lĩnh vực môi trường trên địa bàn tỉnh Bình Phước.</p>	
4.	1.010726	Cấp lại giấy phép môi trường	- Đối với dự án đầu tư, cơ sở không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải và khi có yêu cầu của chủ dự án đầu tư: 20 ngày.	Nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công hoặc gửi hồ sơ	9.000.000 đồng/Giấy phép	<p>- Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17 tháng 11 năm 2020;</p> <p>- Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của</p>	Một phần

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục	Thời hạn giải quyết (kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức dịch vụ công
			- Đối với trường hợp quy định tại điểm b khoản 4 Điều 43 Luật Bảo vệ môi trường: 30 ngày	qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho Bộ phận một cửa cấp huyện		<p>Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;</p> <p>- Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;</p> <p>- Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;</p> <p>- Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ</p>	

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục	Thời hạn giải quyết (kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức dịch vụ công
						<p>Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.</p> <p>- Nghị quyết số 06/2022/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước Quy định mức thu, quản lý, sử dụng một số loại phí về thẩm định hồ sơ thuộc lĩnh vực môi trường trên địa bàn tỉnh Bình Phước.</p>	

III. Thủ tục hành chính Môi trường; Bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học cấp xã

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục	Thời hạn giải quyết (kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức dịch vụ công
1.	1.010736	Tham vấn trong đánh giá tác động môi trường	15 ngày	Nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho Bộ phận một cửa cấp xã	Không quy định	<p>Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17 tháng 11 năm 2020;</p> <p>- Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;</p> <p>- Căn cứ Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;</p> <p>- Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường</p>	Một phần

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục	Thời hạn giải quyết (kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức dịch vụ công
						<p>quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;</p> <p>- Căn cứ Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của</p> <p>Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường</p>	
2.	1.004082	Xác nhận hợp đồng tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích	03 ngày làm việc	Nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính	Không quy định	<p>- Luật Đa dạng sinh học năm 2008;</p> <p>- Nghị định 59/2017/NĐ-CP ngày 12/5/2017 của Chính phủ về quản lý tiếp cận nguồn</p>	Một phần

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục	Thời hạn giải quyết (kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức dịch vụ công
				công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho Bộ phận một cửa cấp xã		gen và chia sẻ lợi ích từ việc sử dụng nguồn gen; - Nghị định 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường.	

*** Ghi chú:** - Nội dung thủ tục hành chính cụ thể công bố tại Quyết định này được thực hiện theo nội dung đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường công khai trên Cổng Dịch vụ công quốc gia (<https://dichvucong.gov.vn>) và UBND tỉnh công khai trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh (<https://dichvucong.binhphuoc.gov.vn>) theo quy định.